

Bản án số: 115/2021/HS-ST

Ngày: 14/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Danh Lợi

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh – Thư ký TAND tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Thọ Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H1 – sinh năm 1999 tại huyện C, tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT: Thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Phòng trọ số 4, số nhà 26 đường P, phố 1, phường Q, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T; Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

2. Trần Vũ T – sinh năm 1991 tại thành phố T, tỉnh T; Nơi cư trú: Số 28 D, phường N, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh T (đã chết) và bà Vũ Hương T; Có vợ đã ly hôn và 01 con (sinh năm 2013); tiền án: Ngày 08/01/2019 bị TAND huyện T, tỉnh T xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội gây rối trật tự công cộng, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

3. Phan Minh H2 - sinh năm 1991 tại thành phố T, tỉnh T; Nơi cư trú: Số 36 L, phường B, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Vợ là Đinh Thị L và có 01 con (sinh năm 2019); tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/8/2020 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản của người khác; Ngày 24/11/2020 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Nhân thân: Ngày 14/7/2017 bị Công an phường TT, thành phố T xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo H1: Bà Nguyễn Thị Học – Luật sư của Công ty

Luật TNHH Minh Học thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/12/2020, Tổ công tác của Đội 2 Phòng CSĐTTP về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường N, phường N, thành phố T thì phát hiện, bắt quả tang Phan Minh H2 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại chỗ, Tổ công tác phát hiện trong ví để trong túi quần bên phải của H2 đang mặc có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. H2 khai nhận 04 viên nén và các hạt tinh thể trên là ma túy H2 mang theo để sử dụng.

Tang vật và tài sản thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng và 600.000đ tiền Việt Nam; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO màu trắng BKS 14A-403.41 của anh H3 (lái xe taxi).

Tại cơ quan điều tra, H2 khai nhận: Vào khoảng 20h45' ngày 14/12/2020 H2 đến phòng trọ số 4 số nhà 26 đường P, phố 1, phường QH, thành phố T, tỉnh T mua của Phạm Văn H1 300.000đ ma túy đá về để sử dụng. Đến khoảng 16h00' ngày 15/12/2020, H2 lấy 04 viên ma túy hồng giấu trong túi hồng giấu để trên bàn uống nước tầng 2 nhà H2 bỏ vào trong ví của mình với mục đích để sử dụng rồi gọi tới tổng đài xe taxi Bảo Minh thuê xe. Nhận được thông báo của tổng đài, anh Đinh Hồng H3 sinh năm 1974, trú tại thôn TV, xã TX, huyện TX, tỉnh T điều khiển xe ô tô taxi BKS 14A-403.41 đến đón H2. Khi xe đi đến đường N, phường N, thành phố T thì H2 bảo anh H3 dừng xe chờ, H2 xuống xe thì bị phát hiện bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của H2 tại số nhà 20/01 đường T, phường T, thành phố T, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng (17x13x3)cm, vỏ hộp màu trắng, trên bề mặt hộp có chữ "SMOANT PASITO", bên trong hộp giấy có 01 túi nilon màu hồng in hình chữ A màu bạc đựng 41 viên nén hình trụ tròn, trong đó có: 39 viên màu hồng và 02 viên màu xanh. H2 khai số ma túy này là do Trần Vũ T mang đến nhà H2 vào ngày 12/12/2020 để H2 và T sử dụng chung; 01 hộp giấy hình chữ nhật, kích thước khoảng (16x9x5)cm, vỏ hộp màu trắng, trên bề mặt hộp có chữ RICKSKIN màu xanh, bên trong đựng 01 cồng thủy tinh, 01 ống hút bằng kim loại và 02 ống hút bằng nhựa; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu đỏ đen, BKS 36B7-713.28 thu của H2.

Điều tra mở rộng, Cơ quan CSĐT PC04 Công an tỉnh Thanh Hóa đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của H1 tại phòng trọ số 4 số nhà 26 đường P, phố 1, phường QH, thành phố T, thu giữ trong hộp giấy cactong dưới nền nhà phòng trọ 01 túi nilon màu xanh, kích thước khoảng (3x5)cm, bên trong đựng 140 viên nén hình trụ tròn màu hồng và 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2,5x3,5)cm, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng; thu giữ trong khe giường ngủ trong phòng trọ của H1 01 túi nilon màu xanh, kích thước khoảng (3x5)cm, bên trong đựng 198 viên nén hình trụ tròn màu hồng.

Hồi 22h20' ngày 15/12/2020, H1 đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận số ma túy trên mua của một người nam giới có tên là B, ở khu

vực Bệnh viện đa khoa tỉnh T vào ngày 25/11/2020 với giá tiền là 10.000.000đ, mục đích mang về nhà cất giấu để bán lại kiếm lời. Đến ngày 14/12/2020, H1 lấy một ít bán cho H2 với giá 300.000đ. Số ma túy còn lại H1 cất giấu ở phòng trọ để tiếp tục bán thì bị lực lượng Công an khám xét và thu giữ.

Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ 01 điện thoại di động Iphone màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VERTU đã qua sử dụng khi H1 đến Cơ quan Công an đầu thú.

Hồi 01h30' ngày 16/12/2020, T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: Khi lực lượng Công an đến khám xét khẩn cấp nơi ở của H2, T đang ở trong phòng trên tầng 2 nhà ở của H2, T đã lấy hộp giấy bên trong đựng 41 viên ma túy hồng phien vứt qua cửa sổ xuống đất để phi tang, nhưng đã bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ ngay sau đó. Số ma túy này T khai nhận vào ngày 12/12/2020 đã đưa cho H2 bán kiếm lời nhưng H2 chưa bán được, nên khi thấy lực lượng Công an đến thì T đã vứt số ma túy này để phi tang. Bên cạnh đó, T còn khai nhận vào khoảng tháng 7/2019 đã mua của đối tượng tên là A, khoảng 40 tuổi ở xã QC, huyện ML, tỉnh T 100 viên ma túy hồng phien với giá tiền 2.500.000đ để sử dụng và vào ngày 12/12/2020, T đi ô tô khách một mình lên xã QC, huyện ML, tỉnh T mua của A 05 túi ma túy hồng phien (khoảng 1000 viên) với giá tiền 14.000.000đ và mang về đến bến xe phía tây thuộc phường TS, thành phố T thì gọi điện cho H2 ra đón và T đã đưa 05 túi ma túy này cho H2 bán để kiếm lời. Quá trình điều tra, H2 không thừa nhận việc đã bàn bạc mua bán ma túy cùng T và việc T đưa ma túy cho H2 bán kiếm lời. Do đây là lời khai duy nhất của T, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác minh làm rõ tính xác thực trong lời nhận tội của T, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự của T về lời nhận tội trên và sẽ tách nội dung liên quan đến lời khai này của T để điều tra, xử lý trong vụ án khác khi có đủ căn cứ. Cơ quan điều tra tạm giữ của T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng và 01 điện thoại di động NOKIA dạng bàn phím màu đen, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 76/PC09 ngày 22/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,411g loại methamphetamine; chất màu trắng dạng tinh thể của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,162g loại methamphetamine; chất màu trắng dạng tinh thể của phong bì ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,501g loại methamphetamine; 338 viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M3 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 33,65g loại methamphetamine; 39 viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M4 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 4,005g loại methamphetamine; 02 viên nén hình trụ tròn màu xanh của phong bì ký hiệu M4 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,208g loại methamphetamine.

Như vậy, H2 có hành vi tàng trữ 0,162g ma túy loại methamphetamine mua của H1, mục đích để sử dụng cho bản thân, đồng thời H2 còn có hành vi tàng trữ 0,411g ma túy loại methamphetamine và khám xét khẩn cấp nơi ở của H2 thu giữ 4,213g ma túy loại methamphetamine. Tổng khối lượng các chất ma túy nêu trên là

4,786g loại methamphetamine. T có hành vi mua bán 41 viên ma túy loại methamphetamine có tổng khối lượng 4,213g. H1 có hành vi mua bán tổng cộng 34,313g ma túy loại methamphetamine.

Quá trình điều tra, các bị cáo H2, H1 và T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Do có hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 46/CTr-VKS-P1 ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phan Minh H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; truy tố Trần Vũ T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; truy tố Phạm Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Phan Minh H2 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, truy tố Trần Vũ T và Phạm Văn H1 về tội mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị HĐXX áp dụng:

- Điểm b khoản 3, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Phạm Văn H1, xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 từ 15 năm đến 16 năm tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

- Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 65 BLHS đối với T, xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với 27 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng của bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 08/01/2019 của TAND huyện T, tỉnh T, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam và được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam của vụ án trước.

- Điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với H2, xử phạt bị cáo H2 từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Phạt bổ sung đối với H1 và H2 mỗi bị cáo 5.000.000đ-10.000.000đ sung quỹ Nhà nước, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Thị Học bào chữa cho bị cáo H1 phát biểu quan điểm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông ngoại bị cáo là Phạm Huy T1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, huân chương chiến sỹ giải phóng, được tặng huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, có mẹ đẻ là bà Phạm Thị T được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình hoạt động chi hội phụ nữ và hội nông dân ở địa phương, UBND xã E xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo để cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo H2, H1 và T khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng VKS truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16h30' ngày 15/12/2020 Tổ công tác Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang H2 có hành vi tàng trữ trái phép 0,162g ma túy loại methamphetamine mua của H1, mục đích để sử dụng cho bản thân, đồng thời H2 còn có hành vi tàng trữ 0,411g ma túy loại methamphetamine và khám xét khẩn cấp nơi ở của H2 thu giữ 4,213g ma túy loại methamphetamine. Tổng khối lượng các chất ma túy mà H2 tàng trữ là 4,786g loại methamphetamine. T có hành vi mua bán 41 viên ma túy loại methamphetamine có tổng khối lượng 4,213g. H1 có hành vi mua bán tổng cộng 34,313g ma túy loại methamphetamine.

Hành vi phạm tội nêu trên của H2, T là trường hợp phạm tội nghiêm trọng, của H1 là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm vào chế độ quản lý của Nhà nước về ma túy theo quy định của pháp luật. Vì vậy cáo trạng của VKSND tỉnh T truy tố H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, truy tố T và H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy nghiêm trọng và mua bán trái phép chất ma túy đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy theo quy định của pháp luật. Do nghiện ma túy, H2 đã mua ma túy của H1 và cất giấu ở nhà để sử dụng dần, H1 và T thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy để kiếm lời. Bị cáo T đã có 01 tiền án về tội gây rối trật tự công cộng; bị cáo H2 có nhiều tiền sự, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép ma túy, nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, đối với các bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cũng như đối với các loại tội phạm về ma túy đang gây bức xúc trong giai đoạn hiện nay.

[4] Về vai trò, vị trí của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập với nhau, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức chặt chẽ. Các bị cáo khi thực hiện tội phạm đều có vai trò là người thực hành.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo H2 có nhân thân xấu, đã bị Công an thành phố T xử phạt hành chính nhiều lần nhưng không chịu cải tạo mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có 01 tiền án ngày 08/01/2019 bị TAND huyện T, tỉnh T xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo đang trong thời gian chấp hành án mà lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H2, T và H1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T và H1 sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Bị cáo H1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn được UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ xác nhận, có ông ngoại là Phạm Huy T1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, huân chương chiến sỹ giải phóng, huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, có mẹ đẻ là bà Phạm Thị T được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình hoạt động chi hội phụ nữ và hội nông dân ở địa phương.

Do đó bị cáo H2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo H1 và T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi vạ: “Mua bán + Tàng trữ TPCMT xảy ra ngày 15/12/2020 tại P.N + P.QH + P.T – TPTH”. Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Ngô Thọ Pha, Hoàng Thị Nguyên và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T (Phong bì do Công an tỉnh phát hành).

+ 01 hộp hình chữ nhật kích thước khoảng (16x9x5)cm màu trắng, trên bề mặt có in dòng chữ “RIC SKIN” màu xanh, bên trong hộp đựng: 01 cồng thủy tinh, 01 ống bằng kim loại, 02 ống hút bằng nhựa.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H2 thu của H2.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng xám, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H1; 01 điện thoại di động VERTU màu đen bạc dạng bàn phím, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H1, thu của H1.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng xám, số IMEI: 355876063242402, mặt màn hình bị rạn vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen dạng bàn phím, số IMEI: 355763102623414, nắp sau điện thoại bị bong, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ T, thu của T.

Hiện nay, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 130/2021/TV-CTHADS ngày 26/5/2021 giữa Phòng PC04 Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho bị cáo H2 số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) thu của H2 theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 26/5/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, nhưng tiếp tục quy trữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 3, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1.

- Khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H2.

***Tuyên bố:** Các bị cáo H1 và T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo H2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

***Xử phạt:**

- Bị cáo Phạm Văn H1 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành án được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/12/2020.

- Bị cáo Trần Vũ T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” của bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T, bị cáo PH3 chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/12/2020, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của vụ án trước từ ngày 29/6/2018 đến ngày 26/9/2018.

- Bị cáo Phan Minh H2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/12/2020.

- Phạt bổ sung bị cáo H1 và T mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

***Về vật chứng:** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi vụ: “Mua bán + Tàng trữ TPCMT xảy ra ngày 15/12/2020 tại P.N + P.QH + P. T – TPTH”. Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiên, Ngô Thọ Pha, Hoàng Thị Nguyên và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa (phong bì do Công an tỉnh phát hành).

+ 01 hộp hình chữ nhật kích thước khoảng (16x9x5)cm màu trắng, trên bề mặt có in dòng chữ “RIC SKIN” màu xanh, bên trong hộp đựng: 01 cồng thủy tinh, 01 ống bằng kim loại, 02 ống hút bằng nhựa.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H2 thu của H2.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng xám, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H1; 01 điện thoại di động VERTU màu đen bạc dạng bàn phím, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ H1, thu của H1.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng xám, số IMEI: 355876063242402, mặt màn hình bị rạn vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen dạng bàn phím, số IMEI: 355763102623414, nắp sau điện thoại bị bong, điện thoại cũ đã qua sử dụng không xác định chất lượng bên trong máy, mặt sau máy có chữ T, thu của T.

Hiện nay, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 130/2021/TV-CTHADS ngày 26/5/2021 giữa Phòng PC04 Công an tỉnh Thanh Hóa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- Trả lại cho bị cáo H2 số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) thu của H2 theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 26/5/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, nhưng tiếp tục quy trữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo thi hành án.

***Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo H2, H1 và T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- CQCSĐT Công an tỉnh T (PC04);
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại);
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khuyên